

A. KẾT QUẢ TRUNG BÌNH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO HỆ THỐNG QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC

| Ca    | Kết quả                                     | pH  | NH <sub>4</sub> <sup>+</sup><br>(mg/l) | Lưu lượng vào<br>(m <sup>3</sup> /h) | Lưu lượng ra<br>(m <sup>3</sup> /h) | COD<br>(mg/l) | TSS<br>(mg/l) | Màu<br>(Pt-Co) | Cl dư<br>(mg/l) | Nhiệt độ<br>(°C) | BOD<br>(mg/l) | DO<br>(mg/l) | Ký và ghi rõ họ tên | Ghi chú |
|-------|---------------------------------------------|-----|----------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|---------------|---------------|----------------|-----------------|------------------|---------------|--------------|---------------------|---------|
|       |                                             | 6-9 | ≤ 4,95                                 | -                                    | -                                   | ≤ 74,25       | ≤ 49,5        | ≤ 49,5         | ≤ 0,99          | ≤ 40             | ≤ 29,7        | -            |                     |         |
| Đêm   | Giá trị trung bình theo ca                  | 6,1 | 4,15                                   | 80                                   | 805                                 | 531           | 23,2          | 23,5           | 0,08            | 30,1             | 17,6          | 1,95         | Ng. Th. (Chức vụ)   |         |
|       | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 1 |     |                                        |                                      |                                     |               |               |                |                 |                  |               |              |                     |         |
| Ngày  | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 2 |     |                                        |                                      |                                     |               |               |                |                 |                  |               |              | Ng. Th. (Chức vụ)   |         |
|       | Giá trị trung bình theo ca                  | 6,1 | 4,14                                   | 836                                  | 818                                 | 40,2          | 23,2          | 23,5           | 0,08            | 30,3             | 13,3          | 1,91         |                     |         |
| A     | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 1 |     |                                        |                                      |                                     |               |               |                |                 |                  |               |              | Ng. Th. (Chức vụ)   |         |
|       | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 2 |     |                                        |                                      |                                     |               |               |                |                 |                  |               |              |                     |         |
| Chiều | Giá trị trung bình theo ca                  | 6,3 | 0,76                                   | 854                                  | 943                                 | 34,5          | 23,6          | 13,1           | 0,08            | 30,7             | 11,4          | 1,91         | Th. Th. (Chức vụ)   |         |
|       | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 1 |     |                                        |                                      |                                     |               |               |                |                 |                  |               |              |                     |         |
| B     | Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố 2 |     |                                        |                                      |                                     |               |               |                |                 |                  |               |              | Th. Th. (Chức vụ)   |         |
|       | Giá trị trung bình ngày:                    | 6,2 | 1,01                                   | 848                                  | 869                                 | 30,2          | 24,5          | 19,1           | 0,08            | 30,4             | 12,5          | 1,90         |                     |         |

Ghi chú: "...": Không quy định

- Giá trị trung bình ngày: Là giá trị trung bình ngày tính từ 00 giờ đến 24h.

- Giá trị trung bình theo ca: Là giá trị trung bình cộng tính từ 00 giờ đến khi hết ca làm việc.

- Giá trị trung bình đến thời điểm có sự cố: Là giá trị trung bình cộng tính từ 00 giờ đến thời điểm xảy ra sự cố.

- Quy định mức phạt khi thông số khi thải vượt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép: Theo Điều 6, Điều 20 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của